TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HUẾ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **526**/2024/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 15 tháng 7 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 484/2024/TLST-HNGĐ ngày 07/6/2024, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Phan Hữu H, sinh năm: 1987; địa chỉ: Số A N, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- *Bị đơn:* Bà Bạch Thị Duy K, sinh năm: 1994; địa chỉ: Số A N, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 7 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 7 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hôn nhân: Ông Phan Hữu H và bà Bạch Thị Duy K thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, cháu Phan Tùng A, sinh ngày 29/8/2014 và cháu Phan Hữu Anh Q, sinh ngày 13/7/2016.

Vợ chồng thỏa thuận: Giao cả hai con Phan Tùng A và Phan Hữu A1 Q cho ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Bà Bạch Thị Duy K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về Án phí: Ông Phan Hữu H và bà Bạch Thị Duy K thỏa thuận ông H phải chịu 150.000 đồng án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà anh Phan Hữu H đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0004120 ngày 07/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế. Trả lại cho anh Phan Hữu H 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng).*

6. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- CC THADS thành phố Huế;
- UBND phường T, thành phố H, đăng ký kết hôn số 36/2014 ngày 19/3/2014;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu dán.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thu Hằng